

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: **36/2019/HS-ST**
Ngày 24-7-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Đường – Phó Hiệu trưởng T THPT Phước Long

Ông Võ Đông Quang – Bí Thư Thị đoàn thị xã Phước Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc H; sinh ngày 20/11/2001; tại: Bình Phước.

Nơi cư trú: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1978 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1977; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 06/2019/HS-ST; tiền sự: không; nhân thân: không; ngày 18/10/2018 bị cáo bị áp dụng giao cho người đại diện giám sát, đến ngày 12/4/2019 bị cáo bị bắt tạm giam để đi thi hành án đối với bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long đã có hiệu lực thi hành; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Diễm T (tên gọi khác: B); sinh ngày 14/4/2001; tại: Bình Phước.

HKTT: khu phố I, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1981; bị cáo chưa có chồng và hiện đang mang thai; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; ngày 18/10/2018 bị cáo bị áp dụng giao cho người đại diện giám sát; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Ngọc V; sinh năm: 1988; tại: Bình Phước.

HKTT: khu phố Z, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C, sinh năm: 1948 và bà Lâm Thị N, sinh năm: 1953 (đã mất); bị cáo có vợ tên Diệp Thị Kim L, sinh năm: 1983 và có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/10/2018 đến ngày 19/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn N (tên gọi khác: M); sinh năm: 1999; tại: Bình Phước.

HKTT: thôn N, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm: 1967; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 06/2019/HS-ST; tiền sự: Ngày 17/01/2018 bị TAND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 03/QĐ-TA; nhân thân: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/06/2018 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quốc H: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1978 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1977 (có mặt);

HKTT: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị Diễm T: Ông Phạm Đình T – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước (Có mặt);

Người bị hại:

- Anh Cao Hoàng A, sinh ngày 26/6/2001 (Có mặt);

Địa chỉ: khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Anh Đinh Việt T2, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L, sinh năm: 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Chị Lê Thị H, sinh năm: 1995 (Có mặt);
Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người làm chứng:
- Chị Lê Thị Phương N2, sinh năm: 2000
Địa chỉ: khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.
- Anh Nguyễn Trọng Bá Q, sinh năm: 1997
Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Anh Trương Bạch H, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
Địa chỉ: thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.
(Tất cả người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/3/2018, trong khi Cao Hoàng A đang ở nhà của mình thì Nguyễn Quốc H gọi điện rủ A đi uống rượu nên A đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Alpha màu xanh, biển số 93K1-188.13 đến quán “Lẩu mắm” tại khu phố 3, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long uống rượu cùng H, Nguyễn Thị Diễm T và Nguyễn Thị Bích T2. Uống rượu được một lúc thì H hỏi mượn xe A để H chở T về nhà lấy đồ. Sau khi mượn được xe của A, H điều khiển chở T chạy về hướng phường Phước Bình. H điện thoại cho Nguyễn Văn N nhờ N mang chiếc xe mô tô vừa chiếm đoạt được của A đi cầm thì N đồng ý. Lúc này, N đang đi chơi cùng Lê Thị Phương N2 tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước nên N kêu H điều khiển xe mô tô trên qua thị xã Bình Long. Do H và T không biết đường đi nên N gọi điện cho M (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) làm nghề chạy taxi dẫn đường cho H và T (do trước đó M có chở N qua thị xã Bình Long). Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì M dẫn H và T đến thị xã Bình Long gặp N. Lúc này N nói không quen biết ai cầm cố xe bên này nên N kêu H, T và N2 lên xe taxi để M chở về lại thị xã Phước Long, còn N điều khiển xe mô tô mà H vừa chiếm đoạt được của A chạy theo sau. Về đến phường Phước Bình, thị xã Phước Long N nói H, T và N2 ngồi ở taxi chờ còn N chạy vào cuối đường nhà Tầm gặp Trương Bạch H để bán với xe mô tô trên với giá 4.000.000 đồng. N đưa cho H 400.000 đồng còn lại N dùng để mua ma túy và chi tiêu xài cho cả H, N và T. Hiện nay, chiếc xe này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long chưa thu hồi lại được.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: Giá trị của xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 tại thời điểm ngày 15/3/2018 là 17.622.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng). Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị L - mẹ ruột A, bà L yêu cầu H, T và N bồi thường số tiền 21.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 20/5/2018, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Diễm T, Đinh Viết T2, M2 (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) cùng ngồi chơi tại phòng trọ của Nguyễn Trọng Bá Q tại khu phố Z, phường T, thị xã P. Một lát sau, Q nhờ H đi mua card điện thoại dùm thì H đồng ý. Sau đó, H hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 của T2 để đi mua card điện thoại cho Q. Sau khi mượn được xe của T2, H điều khiển chở T đi tìm chỗ bán nhưng không được nên cả hai đến nhà nghỉ “KC” thuộc khu Phước An, phường Phước Bình, thị xã Phước Long ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 21/5/2018, H và T đến nhà Bùi Ngọc V tại khu Z, phường P nhờ V bán dùm, V hỏi “xe này của ai” thì H nói “xe mượn của ông anh trong Phú Nghĩa”. Lúc này V biết đây là xe H mượn của người khác mang đi bán nhưng vẫn đồng ý tìm chỗ bán. V kêu H và T ngồi ở nhà đợi còn V điều khiển xe mô tô trên vào quán cà phê “CP” thuộc khu 1, phường Long Phước, tại đây V gặp 01 người đàn ông (không xác định rõ nhân thân, lai lịch) đang ngồi uống nước, V hỏi “có mua xe không” thì người này đến xem và đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng. Sau khi bán được xe, V mang tiền về đưa cho H, H cho V 200.000 đồng số tiền còn lại H và T dùng tiêu xài cá nhân. Hiện nay chiếc xe này Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long chưa thu hồi lại được.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 19/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: Giá trị của xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 tại thời điểm ngày 20/5/2018 là 13.494.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 17 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Phước Long truy tố Truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Phước Long để xét xử bị can Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Diễm T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Phước Long để xét xử bị can Nguyễn Văn N, Bùi Ngọc V về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Diễm T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H

mức án từ 14 đến 16 tháng tù; đề nghị áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù theo bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo H.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T mức án từ 12 đến 14 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc V, Nguyễn Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V mức án 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N mức án 09 -12 tháng tù và đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù theo bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo N.

Về trách nhiệm dân sự: Cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bị hại và gia đình bị cáo N, H theo yêu cầu của các bên.

Ý kiến của người bị hại Đinh Việt T2: Ngày 20/5/2018 bị cáo H và T mượn chiếc xe máy hiệu Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 để đi mua car điện thoại, sau đó đã chiếm đoạt chiếc xe. Chiếc xe trên là của chị Lê Thị H đăng ký quyền sở hữu, gia đình bị cáo V đã bồi thường số tiền 07 triệu đồng và gia đình bị cáo H, T đã bồi thường số tiền 05 triệu đồng. Tại phiên tòa, người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm giá trị chiếc xe cho H và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H: Chiếc xe hiệu Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 là do anh T mượn của chị H, xe do chị H đứng tên trong giấy đăng ký xe. Gia đình bị cáo V đã bồi thường số tiền 07 triệu đồng và gia đình bị cáo H đã bồi thường 05 triệu đồng. Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền giá trị còn lại của chiếc xe bị chiếm đoạt và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị N đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị cáo H trình bày: Số tiền mà gia đình bà đã bồi thường cho bị hại bà không yêu cầu bị cáo H và T có nghĩa vụ trả lại. Tại phiên tòa, ông bà đồng ý bồi thường thêm số tiền mặt 2.500.000 đồng cho bị hại Cao Hoàng A

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H (mẹ ruột bị cáo N): Tại phiên tòa, gia đình bà đồng ý bồi thường thêm cho bị hại Cao Hoàng A số tiền mặt 2.500.000 đồng.

Ý kiến của người bị hại anh Cao Hoàng A: Chiếc xe Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 bị cáo H, T chiếm đoạt là do mẹ của bị hại Trần Thị L mua cho và đứng

tên chủ sở hữu. Gia đình bị cáo H đã bồi thường được số tiền 07 triệu đồng. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo H, T và N đã đồng ý bồi thường thêm giá trị chiếc xe bị mất là mỗi gia đình 2.500.000 đồng. Do vậy, tại phiên tòa người bị hại Cao Hoàng A không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền giá trị còn lại của chiếc xe trong vụ án này và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L: Chiếc xe Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 là bà L mua cho Cao Hoàng A để có phương tiện đi lại. Xe do bà đứng tên quyền sở hữu. Gia đình bị cáo H đã bồi thường được số tiền 07 triệu đồng. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo H, T và N đã đồng ý bồi thường thêm giá trị chiếc xe bị mất là mỗi gia đình 2.500.000 đồng. Do vậy, bà không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền giá trị còn lại của chiếc xe trong vụ án này và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị Diễm T: Ông Phạm Đình T – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình của các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, tại phiên tòa các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo T chưa có thai nhưng hiện bị cáo T có thai đã gần sinh nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có đủ sức khỏe sinh con cũng như chăm sóc cho con nhỏ sau khi sinh. Đồng thời, tại thời điểm phạm tội H và T dưới 18 nên cần áp dụng Điều 91 bộ luật Hình sự để xử lý đối với các bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo H 18 tháng cải tạo không giam giữ và đề nghị tuyên bị cáo T 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở nghiên cứu đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và

tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời phù hợp với kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài nên vào các ngày 15/3/2018 và ngày 20/5/2018, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị Diễm T đã thực hiện hành vi gian dối bằng việc mượn xe Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 của Đinh Việt T2 và mượn xe Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 của Cao Hoàng A nhằm mục đích chiếm đoạt hai chiếc xe trên.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo H và T đã nhờ bị cáo Nguyễn Văn N và Bùi Ngọc V tiêu thụ tài sản dùm nhằm mục đích vụ lợi. Trước khi tiêu thụ V và N đã biết rõ các xe mô tô trên là do H và T chiếm đoạt của người khác có được do các hoạt động phạm tội nhưng vẫn thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản. Trước đó, bị cáo V và N không có sự hứa hẹn, thỏa thuận trước với bị cáo H, T

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: Giá trị của xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 tại thời điểm ngày 15/3/2018 là 17.622.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng). Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 19/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: Giá trị của xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 tại thời điểm ngày 20/5/2018 là 13.494.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo H và T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo V và N đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác; ngoài ra hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có sẽ bị pháp luật xử lý nhưng vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Các bị cáo khi thực hiện hành vi đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi do luật định. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung.

Từ những căn cứ trên hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Thị Diễm T đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N, Bùi Ngọc V đã đủ yếu tố cấu thành

tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng số 29/CTr-VKS ngày 21-6-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đối với hành vi của bị cáo H và T thì đây là vụ án đồng phạm do hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo H là người rủ rê, khởi xướng, chủ động mượn xe để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản nên bị cáo H giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo T mặc dù không trực tiếp dùng hành vi gian dối để lấy xe nhưng khi được H bàn bạc lấy xe để đi bán lấy tiền tiêu xài thì bị cáo T đồng ý để cùng thực hiện hành vi phạm tội. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo H thực hiện với vai trò tích cực hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo T.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tổng hợp hình phạt:

Do bị cáo H và T đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 15/3/2018 và ngày 20/5/2018; mỗi lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự nhưng chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện các hành vi này bị đưa ra xét xử trong cùng một vụ án nên bị cáo H, T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo N, V không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo H, T, V, N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình bị cáo H, T, N đã bồi thường thay cho các bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với bị cáo V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo V đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, đồng thời hiện bị cáo V là lao động chính, bị cáo có năm người con đang độ tuổi ăn học (con lớn nhất sinh năm 2005 và con nhỏ nhất sinh năm 2014) nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Những tình tiết giảm nhẹ trên sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình cho các bị cáo.

Bị cáo H và bị cáo N đang chấp hành bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long mà lại bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử về lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đối với H) và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (đối với bị cáo N) mà các bị cáo đã phạm trước khi có bản án này. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo N và áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với H vì bị cáo H là người phạm tội dưới 18 tuổi.

[5] Xét thấy bị cáo Nguyễn Quốc H và bị cáo Nguyễn Thị Diễm T thời điểm thực hiện hành vi phạm tội đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định đối

với người dưới 18 tuổi phạm tội bộ luật hình sự để xử lý nghiêm minh, đồng thời bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 để giúp bị cáo H, T sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh.

Xét tính chất hành vi và hậu quả do của bị cáo H và N gây ra là nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân xấu, bản thân bị cáo N là người sử dụng ma túy đã lâu, Ngày 17/01/2018 bị TAND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, các bị cáo trước đây đã bị Tòa án xử phạt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật. Do đó, cần xử lý với mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Với phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo H, N ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo có thời gian cải tạo để thay đổi bản thân thành người có ích cho gia đình và xã hội, nhằm giáo dục ý thức đấu tranh phòng chống các tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội là điều cần thiết.

Đối với bị cáo T: xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hiện bị cáo đang mang thai nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo; thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với phụ nữ có thai. Do bị cáo đang có thai, không có công việc ổn định, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập và không áp dụng lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo T.

Đối với bị cáo Bùi Ngọc V: xét bị cáo có nhân thân tốt, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng hiện thường trú tại: khu phố Z, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù. Vì vậy, căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi

hành án hình sự, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Do bị cáo H và T khi thực hiện hành vi phạm tội dưới 18 tuổi, bị cáo T hiện đang có thai và bị cáo V, N không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Xét các ý kiến của Kiểm sát viên, Người bào chữa cho bị cáo H và bị cáo T tại phiên tòa:

Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, đối với bị cáo N, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa bị cáo N thành khẩn khai báo, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình của bị cáo đã bồi thường thiệt hại, các bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần xét xử mức án thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 09 đến 12 tháng tù. Đối với mức đề nghị đối với bị cáo T từ 12 đến 14 tháng tù, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, hiện bị cáo cũng đang có thai, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn kém nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe và tạo điều kiện cho bị cáo có sức khỏe, chăm sóc con nhỏ sau khi sinh. Điều này thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của nhà nước đối với tội phạm.

Người bào chữa cho bị cáo H và T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo H là không phù hợp, bởi lẽ bị cáo H đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm về quyền sở hữu nhưng bị cáo vẫn không sửa chữa bản thân mà tiếp tục phạm tội nên hình phạt cải tạo không giam giữ không đủ sức răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 và xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 do không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Đối với Lê Thị Phương N2, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Trọng Bá Q do không biết việc H, T và N thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cập xử lý.

Đối với Trương Bạch H quá trình điều tra H không thừa nhận có mua xe mô tô hiệu Honda loại Wave anpha biển số 93K1-188.13 từ N, Hội đồng xét xử đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối tượng tên M (người lái taxi dẫn đường cho H, T sang thị xã Bình Long gặp N) quá trình điều tra xác định M tên thật là Đoàn Thanh M. Tuy nhiên, chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch của M, Hội đồng xét xử đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với người đã mua xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX biển số 93H1-131.23 từ Bùi Ngọc V không xác định được nhân thân, lai lịch nên nên cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[10]. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90; Điều 91, Điều 98; Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên Nguyễn Quốc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù theo bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;

Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 18 (mười tám) tháng tù có thời hạn; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 12/4/2019) để đi thi hành án đối với bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để thi hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 50; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 98; Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên Nguyễn Thị Diễm T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diễm T 12 (mười hai tháng) cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo T cho UBND phường P để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo T.

Không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên Nguyễn Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù có thời hạn.

Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù theo bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;

Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù có thời hạn; thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2018 (ngày bị cáo bị tạm giam theo bản án số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước).

Tiếp tục tạm giam bị cáo để thi hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Bùi Ngọc V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo V 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo V về Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay

đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V.

5. Án phí hình sự sơ thẩm:

Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CQĐT CA thị xã Phước Long;
- CQTHAHS CA thị xã Phước Long;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa